



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN

DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch	
Ông Vũ Huy Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2020
Ông Phạm Đức Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2020
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2020
Ông Mai Văn Long	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2020
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Mã Ngọc Kỳ	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên
Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Văn phòng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được lập ngày 17 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 năm 12 năm 2019 của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 tại ngày 14 năm 08 năm 2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại ngày 30 tháng 03 năm 2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		407.667.390.336	408.291.393.799
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.678.486.770	30.519.328.324
111	1. Tiền		2.678.486.770	3.519.328.324
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	27.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.170.000.000	5.170.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.170.000.000	5.170.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		351.022.689.119	354.423.288.824
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	321.773.040.305	351.783.691.536
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		570.898.710	568.416.121
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		3.703.412.187	1.267.700.844
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	24.975.337.917	803.480.323
140	IV. Hàng tồn kho	7	23.796.214.447	18.178.776.651
141	1. Hàng tồn kho		23.796.214.447	18.178.776.651
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.781.273.183	59.073.872.784
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.860.000	17.860.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	17.860.000	17.860.000
220	II. Tài sản cố định		22.422.869.220	27.337.083.476
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	22.313.705.292	27.203.689.850
222	- Nguyên giá		80.596.231.518	80.596.231.518
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.282.526.226)	(53.392.541.668)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	109.163.928	133.393.626
228	- Nguyên giá		566.717.000	566.717.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(457.553.072)	(433.323.374)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.040.000.000	5.040.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.040.000.000	5.040.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		25.300.543.963	26.678.929.308
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	25.300.543.963	26.678.929.308
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		460.448.663.519	467.365.266.583

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		283.316.609.846	283.289.528.329
310	I. Nợ ngắn hạn		281.456.578.683	281.366.706.170
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	177.974.775.454	180.933.874.991
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	51.384.852.755	49.760.591.435
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.719.956.921	4.610.399.027
314	4. Phải trả người lao động		27.343.102.129	27.414.924.339
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	5.186.854.923	2.026.602.888
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.797.700.824	14.450.994.209
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.049.335.677	2.169.319.281
330	II. Nợ dài hạn		1.860.031.163	1.922.822.159
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.860.031.163	1.922.822.159
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		177.132.053.673	184.075.738.254
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	177.132.053.673	184.075.738.254
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.686.994.576	20.686.994.576
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.445.059.097	13.388.743.678
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		77.853.467	94.027.880
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.367.205.630	13.294.715.798
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		460.448.663.519	467.365.266.583

gmrth

Đ



Đ

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	88.259.221.927	74.857.286.755
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	94.002.229
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		88.259.221.927	74.763.284.526
11	4. Giá vốn hàng bán	20	63.309.612.796	52.841.388.531
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.949.609.131	21.921.895.995
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	566.613.982	297.305.340
22	7. Chi phí tài chính		-	43.134.294
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	43.134.294
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	17.642.471.819	18.180.731.968
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.873.751.294	3.995.335.073
31	11. Thu nhập khác		400.000	-
32	12. Chi phí khác		78.229.681	467.228.417
40	13. Lợi nhuận khác		(77.829.681)	(467.228.417)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.795.921.613	3.528.106.656
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.431.393.761	839.551.933
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.364.527.852</u>	<u>2.688.554.723</u>

gms

Đ



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.795.921.613	3.528.106.656
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.893.498.260	5.224.215.654
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(566.613.982)	(297.305.340)
06	- Chi phí lãi vay		-	43.134.294
07	- Các khoản điều chỉnh khác		20.715.996	20.716.002
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.143.521.887	8.518.867.266
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.400.599.705	56.291.921.629
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.617.437.796)	(9.636.920.906)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(184.094.902)	(25.905.581.290)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.378.385.345	2.659.823.370
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(43.134.294)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.883.454.415)	(4.109.102.391)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.991.230.996)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.246.288.828	27.775.873.384
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		566.613.982	146.105.340
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		566.613.982	146.105.340
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	5.918.803.538
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.918.803.538)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.653.744.364)	(9.202.442.776)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.653.744.364)	(9.202.442.776)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.840.841.554)	18.719.535.948



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.519.328.324	11.665.981.777
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	27.678.486.770	30.385.517.725

gms

[Signature]



Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 15.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 150.000.000.000 đồng; tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là:

- Dịch vụ vận hành nhà máy điện;
- Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Kinh doanh vật tư máy móc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn, thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp;
- Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Đại lý kinh doanh viễn thông;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI VĂN PHÒNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Văn phòng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Văn phòng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc, thiết bị	05-07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Văn phòng Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Văn phòng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty trong kỳ là sửa chữa các nhà máy điện và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Văn phòng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	65.075.355	6.605.599
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	2.613.411.415	3.512.722.725
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	27.000.000.000
	<u><u>27.678.486.770</u></u>	<u><u>30.519.328.324</u></u>

(*) Tại ngày 30/06/2020, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Văn phòng Công ty bao gồm 144.839.934 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 27.879.279 đồng) gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương Việt Nam đang tạm ngừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 25.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5%/năm.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	5.170.000.000	-	5.170.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.170.000.000	-	5.170.000.000	-
	5.170.000.000	-	5.170.000.000	-

Tại ngày 30/06/2020 và tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng có giá trị 5.170.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương với lãi suất 5,1%/năm. Khoản tiền này đang tạm ngừng giao dịch và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt đ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Hà Nội	11,90%	11,90%	Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa, năng lượng sạch

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (*)	181.346.523.018	-	194.277.260.058	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	109.567.045.322	-	111.227.827.158	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	15.185.597.789	-	28.411.205.916	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.413.557.676	-	15.417.426.318	-
Phải thu khách hàng khác	260.316.500	-	2.449.972.086	-
	321.773.040.305	-	351.783.691.536	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	321.512.723.805	-	349.333.719.450	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

(*) Khoản Phải thu Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch với số dư tại thời điểm 30/06/2020 là 181,3 tỷ đồng trong đó 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại ngày 31/12/2019: 172,2 tỷ đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 06 năm 2017 của hợp đồng số 38/PVP - PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 08 năm 2010, về việc cung cấp vật tư MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1, theo đó chủ đầu tư và Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải thu trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 11- Phải trả người bán ngắn hạn)

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.687.697.361	-	336.280.492	-
Ký cược, ký quỹ	165.307.875	-	147.447.875	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.413.557.676	-	-	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	7.442.317.915	-	-	-
Phải thu khác	266.457.090	-	319.751.956	-
	24.975.337.917	-	803.480.323	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan				
	22.855.875.591	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	891.428.143	-	1.440.024.167	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.904.786.304	-	16.738.752.484	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nhà máy điện Nhơn Trạch 2</i>	<i>12.903.408.451</i>	<i>-</i>	<i>4.860.705.655</i>	<i>-</i>
<i>Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh</i>	<i>3.942.645.390</i>	<i>-</i>	<i>5.961.081.490</i>	<i>-</i>
<i>Dự án nhiệt điện Thái Bình</i>	<i>5.836.054.425</i>	<i>-</i>	<i>5.836.054.425</i>	<i>-</i>
<i>Các dự án khác</i>	<i>222.678.038</i>	<i>-</i>	<i>80.910.914</i>	<i>-</i>
	23.796.214.447	-	18.178.776.651	-

10256
CÔNG
CỔ PH
H VỤ KỸ
N LỰC I
VIỆT I
TỪ LIÊM

1
IG
EN
JE
A
ER

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	1.334.200.000	36.912.973.642	17.210.987.273	25.138.070.603	80.596.231.518				
Số dư cuối kỳ	1.334.200.000	36.912.973.642	17.210.987.273	25.138.070.603	80.596.231.518				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	866.206.066	20.745.175.866	13.323.284.458	18.457.875.278	53.392.541.668				
- Khấu hao trong kỳ	102.711.175	2.289.796.700	904.585.002	1.592.891.681	4.889.984.558				
Số dư cuối kỳ	968.917.241	23.034.972.566	14.227.869.460	20.050.766.959	58.282.526.226				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	467.993.934	16.167.797.776	3.887.702.815	6.680.195.325	27.203.689.850				
Tại ngày cuối kỳ	365.282.759	13.878.001.076	2.983.117.813	5.087.303.644	22.313.705.292				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.420.731.492 đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá và khấu hao lũy kế cuối kỳ lần lượt là 566.717.000 đồng và 457.553.072 đồng. Khấu hao trong kỳ là 24.229.698 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 324.420.000 đồng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	23.805.764.571	24.119.686.741
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.494.779.392	2.559.242.567
	<u>25.300.543.963</u>	<u>26.678.929.308</u>

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên, Văn phòng Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
General Electric	175.938.038.277	175.938.038.277	176.523.564.151	176.523.564.151
Global Parts and Products GMBJ				
(*)				
Phải trả các đối tượng khác	2.036.737.177	2.036.737.177	4.410.310.840	4.410.310.840
	<u>177.974.775.454</u>	<u>177.974.775.454</u>	<u>180.933.874.991</u>	<u>180.933.874.991</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>15.673.305</u>	<u>15.673.305</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

(*) Tại 30/06/2020, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH bao gồm 172.448.447.982 đồng tương đương với 6.651.961 EUR (tại 31/12/2019: 172.448.447.982 đồng tương đương với 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Công ty đang thực hiện các thủ tục bàn giao vật tư buy back liên quan đến hợp đồng nêu trên và khoản phải trả trên sẽ được quyết toán và bù trừ với khoản phải thu Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch. (xem thông tin tại thuyết minh số 5).

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	49.466.276.435	49.466.276.435
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	1.624.261.320	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	294.315.000	294.315.000
	<u>51.384.852.755</u>	<u>49.760.591.435</u>
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	<u>49.760.591.435</u>	<u>49.760.591.435</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.303.544.448		7.819.722.956		8.306.570.405		-		2.816.696.999	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		11.942.356		11.942.356		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.291.344.677		1.431.393.761		1.883.454.415		-		839.284.023	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		15.509.902		736.544.952		688.078.955		-		63.975.899	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	-		4.610.399.027		10.002.604.025		10.893.046.131		-		3.719.956.921	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020



14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí khám sức khỏe	535.210.000	-
- Trích trước chi phí nghỉ mát	3.568.000.000	-
- Trích trước chi phí bảo hiểm	-	1.260.974.150
- Trích trước chi phí đồng phục	820.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	263.644.923	765.628.738
	<u>5.186.854.923</u>	<u>2.026.602.888</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	252.606.591	269.350.682
- Bảo hiểm xã hội	20.656.956	330.351.567
- Bảo hiểm y tế	50.863.647	123.548.859
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.290.730
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.750.000	9.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.734.990.428	10.138.734.792
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.728.833.202	3.572.967.579
	<u>13.797.700.824</u>	<u>14.450.994.209</u>
b) Phải trả khác là các bên liên quan	<u>11.734.990.428</u>	<u>10.138.734.792</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)</i>		



VẤN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	20.686.994.576	15.644.155.473	186.331.150.049
Lãi trong kỳ trước	-	-	2.688.554.723	2.688.554.723
Phân phối lợi nhuận	-	-	(16.637.061.768)	(16.637.061.768)
Chi nhánh chuyển lợi nhuận	-	-	1.090.207.682	1.090.207.682
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	20.686.994.576	2.785.856.110	173.472.850.686
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	13.388.743.678	184.075.738.254
Lãi trong kỳ này	-	-	6.364.527.852	6.364.527.852
Phân phối lợi nhuận	-	-	(14.058.456.396)	(14.058.456.396)
Chi nhánh chuyển lợi nhuận	-	-	750.243.963	750.243.963
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	20.686.994.576	6.445.059.097	177.132.053.673

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 94/NQ - ĐHĐCĐ - DVKT ngày 20/05/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	14.042.281.983
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20,00%	2.808.456.396
Chi trả cổ tức	80,12%	11.250.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	VND	(%)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	76.500.000.000	51,00%
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000	18,00%
Các cổ đông khác	46.500.000.000	46.500.000.000	31,00%
	150.000.000.000	150.000.000.000	100%

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>150.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	10.138.734.792	16.731.693.126
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	11.250.000.000	14.300.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	11.250.000.000	14.300.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(9.653.744.364)	(9.201.320.637)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	<u>(9.653.744.364)</u>	<u>(9.201.320.637)</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>11.734.990.428</u>	<u>21.830.372.489</u>
d) Cổ phiếu		
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576	20.686.994.576
	<u>20.686.994.576</u>	<u>20.686.994.576</u>
18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản cho thuê ngoài		
Văn phòng Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.		
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1,49	1,49
- Đồng Euro (EUR)	1.081,43	1.081,39
19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.259.221.927	74.857.286.755
	<u>88.259.221.927</u>	<u>74.857.286.755</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>80.971.577.882</u>	<u>73.982.423.255</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)</i>		

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	63.309.612.796	52.841.388.531
	63.309.612.796	52.841.388.531

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	566.613.982	146.105.340
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	151.200.000
	566.613.982	297.305.340

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	863.915.061	1.632.743.770
Chi phí nhân công	11.903.364.830	13.149.382.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	640.125.922	819.484.098
Thuế, phí, lệ phí	29.008.589	28.663.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.639.305.587	1.077.852.091
Chi phí khác bằng tiền	1.566.751.830	1.472.606.210
	17.642.471.819	18.180.731.968

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.795.921.613	3.528.106.656
Các khoản điều chỉnh tăng	104.528.831	101.480.281
- Chi phí không hợp lệ	104.528.831	101.480.281
Các khoản điều chỉnh giảm	(743.481.641)	(469.266.693)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(151.200.000)
- Lỗ của các chi nhánh	(743.481.641)	(318.066.693)
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.156.968.803	3.160.320.244
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.431.393.761	632.064.049
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	207.487.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.291.344.677	3.687.567.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.883.454.415)	(4.109.102.391)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	839.284.023	418.016.639

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.982.251.428	3.065.238.241
Chi phí nhân công	63.325.231.601	58.684.250.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.914.214.256	5.224.215.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.194.088.891	3.592.190.021
Chi phí khác bằng tiền	12.723.048.255	10.235.425.774
	87.138.834.431	80.801.320.322

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.971.577.882	73.982.423.255
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	31.131.585.726	27.491.533.080
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	19.745.612.366
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	13.531.487.118	13.540.727.089
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	36.308.505.038	13.204.550.720
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	94.002.229
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	94.002.229
Mua hàng hóa dịch vụ	263.197.161	620.110.316
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	169.000.000	525.079.545
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	94.197.161	95.030.771
Trả cổ tức cho cổ đông	9.653.744.364	9.202.442.776
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	9.180.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	9.647.100.000	-
Các cổ đông khác	6.644.364	22.442.776

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020



Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	321.512.723.805	349.333.719.450
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	181.346.523.018	194.277.260.058
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	109.567.045.322	111.227.827.158
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	15.185.597.789	28.411.205.916
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.413.557.676	15.417.426.318
Phải thu khác	22.855.875.591	-
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.413.557.676	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	7.442.317.915	-
Phải trả người bán ngắn hạn	15.673.305	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	15.673.305	-
Người mua trả tiền trước	49.760.591.435	49.760.591.435
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	49.466.276.435	49.466.276.435
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	294.315.000	294.315.000
Cổ tức phải trả	11.734.990.428	10.138.734.792
Các cổ đông của Công ty	11.734.990.428	10.138.734.792

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.902.867.691	1.963.176.497

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

gmth

[Signature]



[Signature]

Hoàng Thị Hồng Trang
Người lập

Lê Đình Thái
Kế toán trưởng

Vũ Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2020